



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION

71 Le Lai, May chái Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City

T (84 225) 3836 692 | F (84 225)3836.155 |

www.canfoco.com.vn

Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2023

Haiphong, October 23th, 2023

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận Quý 3 năm 2023 so với Quý 3 năm 2022 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between Quarter 3.2023 vs Quarter 3.2022 from Separate and Consolidated statements of profit and loss as follows:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ/ Separate Financial Statements (Parent Company).

DVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2023/ Quarter III.2023	Quý III.2022/ Quarter III.2022	CHÉNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	131.849	135.625	(3.776)	-3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	3.519	3.711	(0.193)	-5%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	128.330	131.913	(3.584)	-3%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	96.232	98.092	(1.860)	-2%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	32.098	33.822	(1.724)	-5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0.002	0.001	0.001	80%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	2.634	2.111	0.523	25%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	2.424	1.825	0.599	33%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	22.985	20.250	2.734	14%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	5.370	5.430	(0.059)	-1%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Operating profit	1.110	6.032	(4.921)	-82%



Chỉ tiêu	Item	Quý III.2023/ Quarter III.2023	Quý III.2022/ Quarter III.2022	CHÉNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0.344	0.084	0.260	308%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0.014	0.736	(0.722)	-98%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	0.330	(0.652)	0.982	151%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	1.440	5.379	(3.939)	-73%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	0.464	1.322	(0.858)	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	0.977	4.057	(3.081)	-76%

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ Quý 3 năm 2023 đạt 1,44 tỷ, tức là giảm 3,94 tỷ, tương ứng giảm 73% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu là trong Quý 3 năm 2023 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 3% trong khi giá vốn hàng bán giảm 2%, chi phí tài chính tăng 25% và chi phí bán hàng tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. Điều này là do ảnh hưởng của làn sóng cắt giảm nhân sự từ đầu năm đến nay đã tác động làm giảm sức tiêu thụ hàng hóa trên thị trường. Để kích cầu tiêu dùng, Công ty đã áp dụng thêm các chính sách khuyến mại, hỗ trợ bán hàng nên lợi nhuận đạt 1,44 tỷ trước thuế và 977 triệu sau thuế.

Profit before tax of the Parent Company in Quarter 3.2023 is 1.44 billion, decreased by 3.94 billion, equivalent to 73% compared with that of the same period in 2022. The main cause for this is in Quarter 3. 2023, the net revenue from sales of goods and rendering of services decreased by 3% while the COGS dropped by 2%, the financial expenses increased by 25% and the selling expense rose by 14% in comparison with the same period of last year. This is due to the impact of waves of employment cut from the beginning of the year until now, which caused the market consumption to reduce. To stimulate consumer demand, the Company applied additional trade promotions and sales support policies, as a result, the profit was 1.44 billion VND before tax and 0.98 billion VND after tax.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất/Consolidated Financial Statement:

ĐVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2023/ Quarter III.2023	Quý III.2022/ Quarter III.2022	CHÉNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	200.401	218.873	(18.472)	-8%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	3.700	3.952	(0.253)	-6%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	196.701	214.920	(18.219)	-8%
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	155.970	173.519	(17.549)	-10%

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2023/ Quarter III.2023	Quý III.2022/ Quarter III.2022	CHÉNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	40.731	41.401	(0.671)	-2%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	0.777	0.982	(0.205)	-21%
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	3.704	2.945	0.758	26%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	2.831	2.324	0.508	22%
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	24.158	21.677	2.481	11%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	8.297	8.323	(0.025)	0%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	5.348	9.437	(4.089)	-43%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0.350	0.084	0.266	316%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0.148	0.750	(0.601)	-80%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	0.202	(0.665)	0.867	-130%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	5.550	8.772	(3.222)	-37%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	1.160	1.475	(0.315)	-21%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	4.390	7.297	(2.907)	-40%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Quý 3 năm 2023 đạt 5,55 tỷ, tức là giảm 3,22 tỷ, tương ứng giảm 37% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu là Quý 3 năm 2023 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 8% (doanh thu xuất khẩu) trong khi giá vốn hàng bán giảm 10%, chi phí tài chính tăng 26%, chi phí bán hàng tăng 11% so với cùng kỳ năm trước do mức tăng trưởng của nền kinh tế thế giới vẫn ở mức thấp hơn kỳ vọng, tổng cầu suy giảm, lạm phát dù giảm tuy nhiên vẫn ở mức cao nên lợi nhuận đạt 5,55 tỷ trước thuế và 4,39 tỷ sau thuế.

Profit before tax of the consolidated report in Quarter 3.2023 is 5.55 billion, decreased by 3.22 billion, equivalent to 37% compared with that of the same period in 2022. The major cause is that in the Quarter 3.2023, the net revenue of goods and service provide activities dropped by 8% (export revenue) while the COGS dropped by 10%, the financial expenses increased by 26% and the selling expense rose by 11% in comparison with the same period of last year because the growth level of the world economy remained lower than expected, total demand decreased, the inflation declined but was still high, as a result, the profit was 5.55 billion VND before tax and 4.39 billion VND after tax.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.
Our Company would like to explain to your Agency.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HẠ LONG *h*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Sỹ Toàn

